

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021**

---

**Tháng 8 năm 2021**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/5/2021)
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/3/2021)

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Tổng Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021



Số: 141/VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11/8/2021, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 30, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ về các khoản nợ tiềm tàng của Công ty. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán số 010/2021/UHYHCM-BCKTĐL ngày 03 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có vấn đề cần nhấn mạnh liên quan khoản nợ tiềm tàng của Công ty và báo cáo soát xét số 040/2020/UHYHCM-BCSX ngày 12 tháng 8 năm 2020 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Đức Tiên**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2021*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>122.176.888.399</b>	<b>202.306.935.898</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>19.718.420.702</b>	<b>73.721.708.136</b>
1. Tiền	111		13.718.420.702	49.721.708.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	24.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>220.790.000</b>	<b>220.790.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71.381.388.471</b>	<b>107.741.937.407</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	84.651.672.313	117.899.150.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.145.554.821	1.907.731.862
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.357.638.640	2.931.805.891
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(18.773.477.303)	(14.996.750.777)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>29.960.045.304</b>	<b>19.923.494.425</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.960.045.304	19.923.494.425
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>896.243.922</b>	<b>699.005.930</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	896.243.922	699.005.930
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>132.109.297.862</b>	<b>116.572.921.217</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>60.137.811.523</b>	<b>54.253.398.451</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	59.620.811.523	53.736.398.451
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	517.000.000	517.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.448.634.959</b>	<b>27.623.364.815</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.776.420.819	17.536.908.905
- Nguyên giá	222		56.452.976.003	56.429.519.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.676.555.184)	(38.892.610.460)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.672.214.140	10.086.455.910
- Nguyên giá	228		20.850.196.776	20.850.196.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.177.982.636)	(10.763.740.866)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>41.650.000.000</b>	<b>29.991.916.461</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.650.000.000	31.130.855.750
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.138.939.289)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.872.851.380</b>	<b>4.704.241.490</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.717.554.028	4.548.944.138
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		155.297.352	155.297.352
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>254.286.186.261</b>	<b>318.879.857.115</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>134.436.561.575</b>	<b>203.224.617.494</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>134.436.561.575</b>	<b>203.224.617.494</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	4.572.936.267	17.929.392.843
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	36.306.462.633	42.692.523.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.542.337.480	4.263.963.006
4. Phải trả người lao động	314		48.946.669.318	108.842.637.495
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.209.351.419	5.051.077.384
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	12.333.213.468	22.622.589.819
7. Vay ngắn hạn	320	17	24.333.267.883	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.192.323.107	1.822.433.107
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>119.849.624.686</b>	<b>115.655.239.621</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>119.849.624.686</b>	<b>115.655.239.621</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.760.800.000	82.760.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.186.000.000	13.186.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.902.964.686	19.708.579.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.708.579.621	88.684.476
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.194.385.065	19.619.895.145
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>254.286.186.261</b>	<b>318.879.857.115</b>



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thủy  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		103.249.963.665	142.642.596.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		601.858.473	417.692.017
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	102.648.105.192	142.224.904.683
4. Giá vốn hàng bán	11	22	68.824.131.941	101.498.114.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.823.973.251	40.726.790.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	310.073.471	3.525.265.543
7. Chi phí tài chính	22	25	(949.505.784)	(692.661.350)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		108.827.177	-
8. Chi phí bán hàng	25	26	7.933.902.641	12.177.373.690
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	22.391.671.690	24.929.980.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.757.978.175	7.837.363.285
11. Thu nhập khác	31		509.838.690	926.759.079
12. Chi phí khác	32		-	99.461.788
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		509.838.690	827.297.291
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.267.816.865	8.664.660.576
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.073.431.800	1.248.058.935
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		4.194.385.065	7.416.601.641
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	456	807



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.267.816.865	8.664.660.576
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.198.186.494	2.628.746.024
- Các khoản dự phòng	03	2.637.787.237	(980.168.976)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	58.764.203	(7.365.898)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(166.321.430)	(3.496.242.118)
- Chi phí lãi vay	06	108.827.177	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.105.060.546	6.809.629.608
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.709.998.791	21.958.685.514
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.027.307.517)	(5.728.864.008)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(92.397.538.361)	(31.211.415.068)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(365.847.882)	(2.291.706.445)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(82.110.019)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.180.180.599)	(2.923.642.141)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(630.110.000)	(1.119.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(67.868.035.041)</b>	<b>(14.502.312.540)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(32.700.000)	(1.670.512.798)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	480.855.750	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	151.321.430	3.594.654.618
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.400.522.820)</b>	<b>1.924.141.820</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	29.555.922.795	14.869.592.768
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.222.654.912)	(15.817.183.437)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.643.800)	(9.721.171.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>24.319.624.083</b>	<b>(10.668.761.769)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(53.948.933.778)</b>	<b>(23.246.932.489)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>73.721.708.136</b>	<b>93.001.091.226</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(54.353.656)</b>	<b>7.365.898</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>19.718.420.702</b>	<b>69.761.524.635</b>



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thủy  
Người lập biểu



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22/4/2020.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.760.800.000 VND chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01/12/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/6/2021 là 467 người (tại ngày 31/12/2020 là 470 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập qui hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện - nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: Đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu - đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

**2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt  
Ông Trần Quốc Điền  
Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn  
Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Cùng tập đoàn  
Quản lý chủ chốt

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	380.485.045	152.748.617
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.337.935.657	49.568.959.519
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	24.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>24.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>19.718.420.702</b>	<b>73.721.708.136</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>220.790.000</b>	<b>1.016.869.950</b>	-	<b>220.790.000</b>	<b>1.056.904.200</b>	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.016.869.950	-	220.790.000	1.056.904.200	-
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>41.650.000.000</b>	<b>4.315.500.000</b>	-	<b>31.130.855.750</b>	<b>3.213.000.000</b>	<b>(1.138.939.289)</b>
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	3.150.000.000	4.315.500.000	-	3.150.000.000	3.213.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii)	38.500.000.000	-	-	27.500.000.000	-	(902.240.413)
Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến tre số 8	-	-	-	480.855.750	-	(236.698.876)
<b>Cộng</b>	<b>41.870.790.000</b>	<b>5.332.369.950</b>	-	<b>31.351.645.750</b>	<b>4.269.904.200</b>	<b>(1.138.939.289)</b>

- i. Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 30/6/2021.
- ii. Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 30/6/2021.
- iii. Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ là 240.000.000.000 VND và tăng theo từng đợt thi công, Công ty sẽ góp 10% tổng vốn điều lệ. Đến ngày 30/6/2021, Công ty đã góp 38.500.000.000 VND, chiếm 7,88% trên tổng số vốn các bên đã góp là 488.500.000.000 VND. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có lãi nên Công ty không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.
- (\*) Ngoài các khoản đầu tư có giá niêm yết trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý được xác định theo giá thị trường, đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>84.651.672.313</b>	<b>117.899.150.431</b>
<b>a1) Bên liên quan</b>	<b>63.563.659.805</b>	<b>92.942.192.774</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	20.302.669.023	24.823.707.819
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	15.507.040.841	15.239.712.459
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	5.385.029.173	2.519.009.886
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	4.079.161.665	6.254.124.192
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	3.832.195.377	11.612.788.762
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	2.525.105.836	404.244.508
Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	1.524.212.484	2.683.335.381
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.353.318.561	2.332.236.741
Công ty Điện lực Cà Mau	1.253.444.533	-
Ban Quản lý dự án Điện 3	964.635.179	216.155.033
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	800.244.034	-
Công ty thủy điện Đồng Nai	695.760.000	1.470.480.000
Ban QLDA nhiệt điện 3	617.908.359	614.162.513
Công ty nhiệt điện Mông Dương	562.385.493	1.821.989.718
Công ty Phát triển thủy điện Sê San	505.599.160	505.599.160
Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	417.831.550	841.345.819
Tổng Công ty Phát Điện 2 - Công ty TNHH MTV	309.150.765	309.150.765
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	189.610.832	-
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	125.090.184	5.506.445.173
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	68.632.924	2.239.023.099
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	65.715.075	722.865.829
Công ty Truyền tải điện 3 - Truyền tải điện Gia Lai	60.090.350	-
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	-	1.489.600.000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	-	1.133.276.021
Ban Quản lý dự án Điện 2	-	4.525.510.016
Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	-	349.392.144
Công ty Điện Lực Sài Gòn	-	8.436.340
Công ty Thủy điện Trị An	-	1.476.838.000
Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	-	430.518.181
Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	-	851.133.360
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	-	142.283.448
<b>a2) Đối tượng khác</b>	<b>21.088.012.508</b>	<b>24.956.957.657</b>
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	5.100.415.846
Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	3.772.276.098	-
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	3.085.712.601	35.595.884
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	-	6.269.000.000
Khác	9.129.607.963	13.551.945.927

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>59.620.811.523</b>	<b>53.736.398.451</b>
<b>b1) Bên liên quan</b>	<b>47.982.554.288</b>	<b>40.053.901.446</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	14.003.911.797	9.437.755.393
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	8.746.865.388	8.619.657.416
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	8.287.526.281	4.624.999.470
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	4.563.930.200	4.520.446.720
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.347.045.017	4.591.334.171
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	1.968.539.362	1.442.993.703
Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.555.878.980	1.555.878.980
Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	1.244.364.245
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.097.581.625	1.097.581.625
Ban Quản lý dự án Điện 2	375.093.000	375.093.000
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NTPNB)	337.213.989	263.452.668
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	298.293.280	298.293.280
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	253.887.023	136.374.202
Công ty Điện lực Cà Mau	197.286.504	-
Ban QLDA Phát triển Điện Lực	190.915.455	190.915.455
Công ty CP ĐTKĐ Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
Ban QLDA nhiệt điện 3	93.059.450	413.009.057
Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	88.833.631	88.833.631
Công ty CP Thủy điện miền Trung	70.450.000	70.450.000
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	41.335.569
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	33.200.000	74.770.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	31.147.917	797.287.174
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	16.349.189	-
Ban Quản lý dự án Điện 3	-	29.229.301
<b>b2) Đối tượng khác</b>	<b>11.638.257.235</b>	<b>13.682.497.005</b>
Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	4.546.834.821	11.364.933.050
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	3.465.000.000	-
Công ty TNHH Điện Gió Sunpro - Bến Tre số 8	1.155.000.000	-
Khác	2.471.422.414	2.317.563.955
<b>Cộng</b>	<b>144.272.483.836</b>	<b>171.635.548.882</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.357.638.640</b>	<b>2.931.805.891</b>
Tạm ứng cho nhân viên	3.084.106.620	2.441.870.145
Khác	273.532.020	489.935.746
<b>b) Dài hạn</b>	<b>517.000.000</b>	<b>517.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	517.000.000	517.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.874.638.640</b>	<b>3.448.805.891</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Đơn vị: VND

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
Ban QLDA Thủy điện sông Bung 2	12.610.988.195	8.827.691.736	(3.783.296.459)	-	-	-
Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	1.391.554.962	531.884.348	(859.670.614)	1.391.554.962	531.884.348	(859.670.614)
Ban QLDA Điện lực miền Nam	1.152.926.646	404.459.205	(748.467.441)	3.795.953.665	2.412.464.080	(1.383.489.585)
Các khách hàng khác	7.259.394.911	1.396.596.375	(5.862.798.536)	6.869.490.405	1.635.144.080	(5.234.346.325)
<b>Cộng</b>	<b>29.934.108.967</b>	<b>11.160.631.664</b>	<b>(18.773.477.303)</b>	<b>19.576.243.285</b>	<b>4.579.492.508</b>	<b>(14.996.750.777)</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	234.167.802	-	178.246.065	-
Công cụ, dụng cụ	3.883.272	-	4.027.268	-
Chi phí SXKD dở dang	29.721.994.230	-	19.741.221.092	-
<b>Cộng</b>	<b>29.960.045.304</b>	<b>-</b>	<b>19.923.494.425</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>896.243.922</b>	<b>699.005.930</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	104.686.295	181.048.898
Chi phí phần mềm	721.821.601	517.957.032
Các khoản khác	69.736.026	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.717.554.028</b>	<b>4.548.944.138</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.130.484.936	2.868.458.759
Chi phí phần mềm	1.587.069.092	1.680.485.379
<b>Cộng</b>	<b>5.613.797.950</b>	<b>5.247.950.068</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	13.196.031.024	17.725.790.103	17.493.444.426	8.014.253.812	56.429.519.365
- Mua trong kỳ	-	32.700.000	-	-	32.700.000
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-	(9.243.362)	(9.243.362)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.196.031.024</b>	<b>17.758.490.103</b>	<b>17.493.444.426</b>	<b>8.005.010.450</b>	<b>56.452.976.003</b>
	746.343.747	12.883.045.008			
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	8.321.014.977	12.136.701.261	12.981.354.001	5.453.540.221	38.892.610.460
- Khấu hao trong kỳ	337.104.744	583.900.726	463.216.494	399.722.760	1.783.944.724
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.658.119.721</b>	<b>12.720.601.987</b>	<b>13.444.570.495</b>	<b>5.853.262.981</b>	<b>40.676.555.184</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	4.875.016.047	5.589.088.842	4.512.090.425	2.560.713.591	17.536.908.905
Tại ngày cuối kỳ	4.537.911.303	5.037.888.116	4.048.873.931	2.151.747.469	15.776.420.819

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 19.533.544.109 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.533.544.109 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	<u>10.706.370.572</u>	<u>10.143.826.204</u>	<u>20.850.196.776</u>
Số dư cuối kỳ	<u>10.706.370.572</u>	<u>10.143.826.204</u>	<u>20.850.196.776</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	<u>1.843.747.077</u>	<u>8.919.993.789</u>	<u>10.763.740.866</u>
- Khấu hao trong kỳ	<u>99.085.740</u>	<u>315.156.030</u>	<u>414.241.770</u>
Số dư cuối kỳ	<u>1.942.832.817</u>	<u>9.235.149.819</u>	<u>11.177.982.636</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	<u>8.862.623.495</u>	<u>1.223.832.415</u>	<u>10.086.455.910</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>8.763.537.755</u>	<u>908.676.385</u>	<u>9.672.214.140</u>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 6.226.410.637 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6.226.410.637 VND).

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2021 là 2.756.809.425 VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 17).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số có khả năng</u>		<u>Số có khả năng</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Bên liên quan</b>	<u>574.626.142</u>	<u>574.626.142</u>	<u>1.133.959.153</u>	<u>1.133.959.153</u>
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	319.959.153	319.959.153	319.959.153	319.959.153
Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	254.666.989	254.666.989	814.000.000	814.000.000
<b>b) Đối tượng khác</b>	<u>3.998.310.125</u>	<u>3.998.310.125</u>	<u>16.795.433.690</u>	<u>16.795.433.690</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex	808.175.773	808.175.773	884.198.893	884.198.893
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Sài Gòn	121.079.110	121.079.110	9.106.510.206	9.106.510.206
Công ty TNHH Đầu Tư SX-TM-DV Nam Lập Phát	758.238.904	758.238.904	425.542.559	425.542.559
Khác	2.310.816.338	2.310.816.338	6.379.182.032	6.379.182.032
<b>Cộng</b>	<u>4.572.936.267</u>	<u>4.572.936.267</u>	<u>17.929.392.843</u>	<u>17.929.392.843</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>28.870.950.984</b>	<b>34.066.229.809</b>
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	7.006.671.972	6.698.941.582
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	6.849.145.445	6.586.417.417
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.578.570.008	8.589.985.004
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPMB)	3.303.686.000	3.437.797.000
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	1.946.246.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.592.555.628	1.592.555.628
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	897.977.200	-
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	691.500.000	691.500.000
Ban QLDA lưới điện TP. Hồ Chí Minh	515.371.971	515.371.971
Ban Quản lý dự án Điện 3	470.625.000	545.625.000
Ban QLDA nhiệt điện 3	391.382.750	704.661.232
Công ty Phát triển thủy điện Sê San	303.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền nam TNHH	259.666.707	1.012.464.200
CN TCT Truyền tải điện Quốc Gia - Công ty TTD4	190.445.250	190.445.250
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	139.200.000	139.200.000
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	122.585.980	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	92.161.685	92.161.685
Ban Quản lý dự án Điện 2	40.361.548	-
Ban QLDA nhiệt điện 2	24.101.177	24.101.177
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung	-	618.000.000
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	-	225.060.000
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	246.868.800	246.868.800
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực VN	100.438.263	100.438.263
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	108.389.600	108.389.600
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>7.435.511.649</b>	<b>8.626.294.031</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.578.411.132	2.578.411.132
Công ty TNHH Đông Thành 1	1.024.100.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	823.000.000	823.000.000
Viện Năng Lượng	226.087.750	1.741.175.000
Khác	2.783.912.767	3.483.707.899
<b>Cộng</b>	<b>36.306.462.633</b>	<b>42.692.523.840</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.037.537.706	6.095.412.749	(5.540.417.402)	3.592.533.053
Thuế thu nhập doanh nghiệp	954.208.510	1.073.431.800	(1.180.180.599)	847.459.711
Thuế thu nhập cá nhân	173.140.395	11.814.915.874	(11.885.711.553)	102.344.716
Các loại thuế, phí khác	99.076.395	201.943.209	(301.019.604)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.263.963.006</b>	<b>19.185.703.632</b>	<b>(18.907.329.158)</b>	<b>4.542.337.480</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	762.405.160	370.150.980
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	577.188.449	97.931.173
Phải trả cổ tức cho cổ đông	811.095.475	824.739.275
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	8.669.756.959	13.538.416.285
Chi phí công trình phải trả	1.147.070.510	7.063.384.052
Khác	365.696.915	727.968.054
<b>Cộng</b>	<b>12.333.213.468</b>	<b>22.622.589.819</b>

**17. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	-	-	3.270.000.000	-	3.270.000.000	3.270.000.000
Ngân Hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Định (ii)	-	-	5.073.757.815	-	5.073.757.815	5.073.757.815
Cán bộ công nhân viên (iii)	-	-	21.212.164.980	(5.222.654.912)	15.989.510.068	15.989.510.068
<b>Cộng</b>	-	-	<b>29.555.922.795</b>	<b>(5.222.654.912)</b>	<b>24.333.267.883</b>	<b>24.333.267.883</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 02/2020/95234/HDTD ngày 23/9/2020 với hạn mức vay là 95 tỷ VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn duy trì hạn mức từ 23/9/2020 đến 23/9/2021. Khoản vay hiện tại là 3.270.000.000 VND với thời gian vay từ ngày 07/4/2021 đến ngày 07/9/2021, lãi suất vay là 6%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2021 là 2.756.809.425 VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng vay số PDL201912374929/HĐCTD ngày 13/02/2019 với hạn mức vay là 10 tỷ VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 17/3/2021 đến ngày 17/3/2022. Khoản vay hiện tại là 5.073.757.815 VND với thời gian vay từ ngày 09/4/2021 đến ngày 09/10/2021, lãi suất vay là 6,2%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 30/3/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	82.760.800.000	(140.000)	7.827.000.000	17.864.963.676	108.452.623.676
- Lãi trong năm	-	-	-	19.619.895.145	19.619.895.145
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(9.931.279.200)	(9.931.279.200)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	5.359.000.000	(5.359.000.000)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.486.000.000)	(2.486.000.000)
Số dư đầu kỳ này	82.760.800.000	(140.000)	13.186.000.000	19.708.579.621	115.655.239.621
- Lãi trong kỳ	-	-	-	4.194.385.065	4.194.385.065
Số dư cuối kỳ này	82.760.800.000	(140.000)	13.186.000.000	23.902.964.686	119.849.624.686

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.276.080	8.276.080
- Cổ phiếu phổ thông	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
- Cổ phiếu phổ thông	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.276.066	8.276.066
- Cổ phiếu phổ thông	8.276.066	8.276.066
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ (Trình bày lại)</b>	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	40.371.340.000	48,78%	40.371.340.000	48,78%
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	6.362.490.000	7,69%	6.362.490.000	7,69%
Ông Trần Quốc Điền	4.212.000.000	5,09%	4.331.770.000	5,23%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	3.966.570.000	4,79%	3.966.570.000	4,79%
Cổ đông khác	27.848.260.000	33,65%	27.728.490.000	33,50%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 13.643.800 VND.

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Đô la Mỹ (USD)	390.274,11	1.324.160,81
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.730,74	3.410,74

**20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	103.249.963.665	142.642.596.700
<b>Cộng</b>	<b>103.249.963.665</b>	<b>142.642.596.700</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>601.858.473</b>	<b>417.692.017</b>
Giảm giá dịch vụ	601.858.473	417.692.017
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>102.648.105.192</b>	<b>142.224.904.683</b>
<b>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>57.606.258.654</b>	<b>91.451.225.956</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	29.803.651.699	31.132.114.613
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	6.733.767.002	10.055.929.539
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	6.619.337.231	7.330.075.513
Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	2.295.550.760	-
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH	2.690.407.187	16.311.918.734
Công ty Điện lực Cà Mau	1.318.846.397	-
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	1.317.681.201	8.115.534.974
Ban QLDA Điện 3 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.182.941.072	-
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Ban QLDA nhiệt điện		
Vĩnh Tân	935.600.000	1.476.172.302
Ban QLDA Nhiệt điện 3	919.952.713	845.995.000
Công ty thủy điện Buôn Kuốp	767.250.000	2.101.045.451
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	727.494.576	-
Ban QLDA Truyền tải điện	670.557.460	-
Công ty Điện lực Bình Phước	389.340.000	-
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	279.203.321	(126.318.477)
Công ty Thủy điện Đồng Nai	204.800.000	-
Công ty Thủy điện An Khê-Ka Nak	144.709.147	-
Công ty Truyền tải điện Đắk Nông	124.422.150	-
Ban QLDA Trung Tâm Điện Lực Ô Môn	116.992.218	-
Công ty Truyền tải điện Bình Thuận	116.801.300	-
Công ty Nhiệt điện Móng Dương	82.981.750	-
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	55.134.488	1.003.211.284
Công ty Truyền tải điện Gia Lai	54.627.591	170.443.611
Công ty Điện lực Sài Gòn	37.734.911	12.200.532
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	16.474.480	-
Ban QLDA Điện lực miền Nam	-	9.567.701.373
Công ty Truyền tải Điện 3	-	952.199.408
Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung	-	702.686.607
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	-	596.353.804
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	439.701.355
Tổng công ty Phát điện 3 - CTCP	-	422.614.308
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	306.363.636
Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế	-	35.282.389

**22. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	68.824.131.941	101.498.114.028
<b>Cộng</b>	<b>68.824.131.941</b>	<b>101.498.114.028</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.212.152.870	3.960.187.981
Chi phí nhân công	58.810.189.227	76.303.663.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.198.186.494	2.628.746.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.290.592.076	35.018.864.629
Chi phí khác	26.837.830.441	26.382.180.660
<b>Cộng</b>	<b>105.348.951.108</b>	<b>144.293.642.648</b>

**24. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	166.321.430	1.051.242.118
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.445.000.000
Lãi chuyển nhượng góp vốn	69.144.250	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.607.791	29.023.425
<b>Cộng</b>	<b>310.073.471</b>	<b>3.525.265.543</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	108.827.177	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.138.939.289)	(693.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	80.606.328	338.650
<b>Cộng</b>	<b>(949.505.784)</b>	<b>(692.661.350)</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	2.573.679.016	2.819.573.343
Chi phí vật liệu bao bì	87.349.264	104.287.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.157.666.242	7.757.438.922
Các khoản chi phí khác	115.208.119	1.496.074.277
<b>Cộng</b>	<b>7.933.902.641</b>	<b>12.177.373.690</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	6.993.007.840	12.492.872.430
Chi phí vật liệu quản lý	427.533.357	515.922.569
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.225.887.336	852.134.970
Chi phí khấu hao TSCĐ	782.397.618	908.079.974
Thuế, phí và lệ phí	1.000.000	4.601.584
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	3.781.528.302	(287.168.976)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.649.081.955	4.688.904.594
Các khoản chi phí khác	4.531.235.282	5.754.633.428
<b>Cộng</b>	<b>22.391.671.690</b>	<b>24.929.980.573</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Lợi nhuận kê toán trước thuế	5.267.816.865	8.664.660.576
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	72.000.000	(2.424.365.898)
Cộng: Thù lao HĐQT không chuyên trách	72.000.000	28.000.000
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện kỳ này	-	(7.365.898)
Trừ: Lợi nhuận cổ tức được chia	-	(2.445.000.000)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.339.816.865</b>	<b>6.240.294.678</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.067.963.373</b>	<b>1.248.058.935</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 nộp bổ sung	5.468.427	-
<b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.073.431.800</b>	<b>1.248.058.935</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	4.194.385.065	7.416.601.641
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	419.438.507	741.660.164
<b>Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.774.946.559</b>	<b>6.674.941.477</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.276.066	8.276.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	456	807
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

- (i) Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế kỳ này, căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 0087/BB-TVĐ3 ngày 23/4/2021.

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong kỳ, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các Thuyết minh số 06, 13, 14, 18 và 21; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	490.000.000	115.458.731
Điện lực Sài Gòn	58.822.398	211.967.821
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	-	1.130.389.000
<b>Cộng</b>	<b>548.822.398</b>	<b>1.457.815.552</b>
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	4.844.560.800
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.844.560.800</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:*

	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	(Trình bày lại) VND
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>286.980.000</b>	<b>449.820.000</b>
Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch	214.980.000	339.540.000
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	36.000.000	98.280.000
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên	36.000.000	12.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>2.345.850.891</b>	<b>2.211.642.345</b>
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	207.180.000	183.870.000
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc	183.780.000	258.520.000
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc	826.695.291	681.695.854
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc	840.035.600	676.105.127
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc	115.320.000	-
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc	172.840.000	411.451.364
<b>Cộng</b>		<b>2.632.830.891</b>	<b>2.661.462.345</b>

**30. NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê nhà tại Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 126/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 12/4/2021 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. HCM. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 là 457.000.000 VND/tháng (đơn giá thuê từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 sẽ được điều chỉnh), tiền thuê được trả hàng quý.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng 01 năm	5.484.000.000	-
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	2.742.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.226.000.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi thanh toán lãi vay trong kỳ không bao gồm 26.717.158 VND là số tiền dùng để thanh toán lãi vay trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi dự thu trong kỳ không bao gồm 15.000.000 VND là số tiền lãi phải thu trong kỳ mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
CÔNG TY CP  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **26 8 7**/TVĐ3-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng 08 năm 2021

V/v giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 so cùng kỳ năm trước.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ theo quy định tại điểm 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 trên báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh sau soát xét 6 tháng đầu năm 2021 so cùng kỳ năm trước:

**So sánh kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2021 đã soát xét và cùng kỳ năm 2020:**

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2021	Chênh lệch	So sánh (%)
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e=d-c</i>	<i>f=e:c</i>
<b>I</b>	<b>Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên</b>				
1	Doanh thu thuần	140.305.117.210	101.969.842.419	-38.335.274.791	-27,32%
2	Lợi nhuận sau thuế	5.554.269.121	3.919.847.592	-1.634.421.529	-29,43%
<b>II</b>	<b>Báo cáo tài chính tổng hợp</b>				
1	Doanh thu thuần	142.224.904.683	102.648.105.192	-39.576.799.491	-32,65%
2	Lợi nhuận sau thuế	7.416.601.641	4.194.385.065	-3.222.216.576	-43,45%

Lợi nhuận sau thuế của báo cáo soát xét Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng năm 2021 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm

trước chủ yếu là: Doanh thu thuần giảm so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của dịch Covid -19.

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp đã soát xét 6 tháng đầu năm 2021. ✓

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Như Hoàng Tuấn**